**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN KHỐI 9**

**A. CHỦ ĐỀ 1: PHẦN VĂN HỌC**

**\* Yêu cầu:**

- Học thuộc các bài thơ, nhận biết tên tác giả và tác phẩm;

- Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật trong văn bản;

- Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung và nghệ thuật của truyện;

**-**Hiểu được ý nghĩa các văn bản;

- Giải thích được ý nghĩa nhan đề, chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

 **I. TÁC PHẨM TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

**Câu 1: Các tác phẩm văn học trung đại:**

**1. Chuyện người con gái Nam Xương**

- Tác giả: Nguyễn Dữ

- Năm - hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:

+ TK 16

+ Trích “Truyền Kì mạn lục”

- Thể loại - PTBĐ:

+ Truyện truyền kì

+ Tự sự

- Nội dung: Niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ PK, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.

- Nghệ thuật: Nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự và trữ tình…

**2. Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14)**

- Tác giả: Nhóm tác giả: Ngô gia văn phái

- Năm - hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:

+ Đầu TK 19

+ Trích (hồi 14) “Quang Trung đại phá quân Thanh”

- Thể loại - PTBĐ:

+ Chí

+ Tiểu thuyết lịch sử - chương hồi.

- Nội dung: Hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

- Nghệ thuật: Tự sự kết hợp với miêu tả, chi tiết cụ thể, khắc họa nhân vật

**3. Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)**

- Tác giả: Nguyễn Du

- Năm - hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:

+ Đầu TK 19

+ Dựa theo cốt truyên “Kim Vân Kiều truyện”

- Thể loại - PTBĐ:

+ Truyện thơ Nôm (Lục bát)

+ Tự sự

- Nội dung:

+ Giá trị hiện thực: Là bức tranh hiện thực về một XH bất công, tàn bạo.

+ Giá trị nhân đạo: Là tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch của con người; lên án, tố cáo những thế lực xấu xa,…

- Nghệ thuật:

+ Kết tinh thành tựu văn học dân tộc về ngôn ngữ, thể loại.

+ Thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ,…

**4. Chị em Thúy Kiều**

- Nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về số phận tài hoa bạc mệnh

- Nghệ thuật: Bút pháp ước lệ tượng trưng cổ điển, miêu tả chân dung

**6. Kiều ở lầu Ngưng Bích**

- Nội dung: Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều

- Nghệ thuật: Bút pháp tả cảnh ngụ tình

 BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Câu 1: Tóm tắt truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”:**

      Xưa có chàng Trương Sinh, vừa cưới vợ xong lại phải đi lính. Giặc tan, Trương Sinh trở về, nghe lời con nhỏ, nghi vợ mình không chung thủy. Vũ Nương bị oan, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm, Trương Sinh cùng con trai ngồi bên ngọn đèn, đứa con chỉ cái bóng trên tường và nói đó chính là người hay tới ban đêm. Lúc đó chàng mới hiểu ra nỗi oan của vợ. Phan Lang, một người hàng xóm của Trương Sinh tình cờ gặp lại Vũ Nương dưới Thủy Cung. Khi Phan Lang được trở về trần gian, Vũ Nương gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn cho chồng. Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang. Vũ Nương trở về ngồi trên chiếc kiệu hoa giữ dòng sông lúc ẩn, lúc hiện.

**Câu 1: Trình bày những nét chính về tác giả Nguyễn Du.**

**\* Định hướng về tác giả Nguyễn Du:**

**1.** **Thân thế:**Nguyễn Du (1765 - 1820) tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, có truyền thống văn học.

**2. Cuộc đời:**

- Ông sống vào thời cuối Lê đầu Nguyễn giai đoạn chế độ phong kiến Việt Nam có nhiều biến động tư tưởng chính trị của ông không rõ ràng.

- Nguyễn Du sống lưu lạc chìm nổi, cuộc đời nhiều cực khổ thăng trầm.

**3. Con người:**Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc. Cuộc đời từng trải tạo cho ông vốn sống phong phú và niềm cảm thông sâu sắc với những nỗi khổ của nhân dân.

**4. Sự nghiệp:**

- Ông để lại một di sản văn hóa lớn về cả chữ Hán và chữ Nôm. Sáng tác Nôm xuất sắc nhất là Truyện Kiều.

- Ông là một thiên tài văn học, là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, là Danh nhân văn hoá thế giới.

**Câu 3: Tóm tắt “Truyện Kiều”.**(HS xem ở SGK/78+79)

**Câu 4: Phân tích vẻ đẹp và số phận đầy bi kịch của người phụ nữ qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” và các đoạn trích “Truyện Kiều”.**

**\* Định hướng**:

**1/Vẻ đẹp người phụ nữ:**

- Vẻ đẹp về nhan sắc, tài năng:

+ Thúy Vân: Vẻ đẹp phúc hậu, quý phái.

+ Thúy Kiều: Tuyệt thế giai nhân.

- Vẻ đẹp về tâm hồn, phẩm chất: Vũ Nương, Thúy Kiều: Hiếu thảo, chung thủy. Khát vọng tự do, công lí chính nghĩa (Thúy Kiều).

**2/ Bi kịch của người phụ nữ:**

- Đau khổ, oan khuất (vũ Nương).

- Tình yêu tan vỡ, nhân phẩm bị chà đạp (Thúy Kiều).

**Câu 5: Nắm được đặc điểm của tiểu thuyết chương hồi. Hiểu được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của Hoàng Lê nhất thống chí (hồi thứ 14)**.

**\* “Quang Trung đại phá quân Thanh”:** Vua tôi Lê Chiêu Thống hèn nhát, thần phục ngoại bang một cách nhục nhã.

**\* Nguyễn Huệ:** Người anh hùng dân tộc: Có lòng yêu nuớc nồng nàn; quả cảm, tài trí; nhân cách cao đẹp.

**Câu 6: Nêu giá trị nhân đạo của Truyện Kiều thông qua các đoạn trích: “Chị em Thúy kiều”, “Kiều ở lầu Ngưng Bích”?**

- Khẳng định, đề cao vẻ đẹp, tài năng con người. **(“Chị em Thúy kiều”).**

- Thương cảm truớc những đau khổ,bi kịch của con người (**“Kiều ở lầu Ngưng Bích”).**

**Câu 7: Nêu nghệ thuật đặc sắc của “Truyện Kiều”?**

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên:

+ Trực tiếp miêu tả thiên nhiên **“Cảnh ngày xuân”.**

+ Tả cảnh ngụ tình: **“Kiều ở lầu Ngưng Bích”.**

- Nghệ thuật miêu tả nhân vật :

+ Khắc họa nhân vật bằng bút pháp uớc lệ: **“Chị em Thúy Kiều”.**

+ Miêu tả đời sống nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại:**“Kiều ở lầu Ngưng Bích”.**

**Câu 8: Hoàng Lê nhất thống chí và Đoạn trường tân thanh**là những tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Hãy giải thích nhan đề hai tác phẩm trên.

**- Hoàng Lê nhất thống chí**: Ghi chép sự thống nhất vương triều nhà Lê.

**- Đoạn trường tân thanh**: Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột hoặc tiếng kêu về một nỗi đau đứt ruột.

**II. THƠ HIỆN ĐẠI**

**Các tác phẩm thơ hiện đại:**

**1. Đồng chí (Trích Đầu súng trăng treo)**

- Tác giả: Chính Hữu (Trần Đình Đắc) sinh năm 1926, quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh

- Sáng tác: 1948. KC chống Pháp

- Thể loại: Thơ tự do

- Chủ đề: Người lính

- Nội dung: Ca ngợi tình đồng chí cùng chung lý tưởng của những người lính cách mạng trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí trở thành sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của anh bộ đội Cụ Hồ

- Nghệ thuật:

+ Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.

+ Hình ảnh sáng tạo vừa hiện thực, vừa lãng mạn: Đầu súng trăng treo

**2. Bài thơ về tiểu đội xe không kính** (Trích Vầng trăng quầng lửa)

- Tác giả: Phạm Tiến Duật sinh năm 1942, quê ở Phú Thọ.

- Sáng tác: 1969

- KC chống Mĩ

- Thể loại: Thơ 7 chữ kết hợp 8 chữ

- Chủ đề: Người lính

- Nội dung: Tư thế hiên ngang, tinh thần chiến đấu bình tĩnh, dũng cảm, niềm vui lạc quan của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ.

- Nghệ thuật: Tứ thơ độc đáo: Những chiếc xe không kính; Giọng điệu tự nhiên, khoẻ khoắn, vui tếu có chút ngang tàng; lời thơ gần với văn xuôi, lời nói thường ngày.

**3. Đoàn thuyền đánh cá** (Trích Trời mỗi ngày lại sáng)

- Tác giả: Huy Cận (1919 – 2005), tên đầy đủ Cù Huy Cận, quê ở Đức Thọ, Hà Tĩnh.

- Sáng tác: 1958

- Thể loại: Thơ bảy chữ

- Chủ đề: Thiên nhiên và con người

- Nội dung: Khắc họa nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.

- Nghệ thuật: Có nhiều hình ảnh sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo; có âm hưởng khỏe khoắn, hào hứng, lạc quan

**4. Bếp lửa** (Trích Hương cây - Bếp lửa)

- Tác giả: Bằng Việt (Nguyễn Việt Bằng), quê ở Thạch Thất, Hà Tây.- Trưởng thành trong KC chống Mĩ.

- Sáng tác: 1963 hòa bình ở miền Bắc

- Thể loại: Thơ tám chữ

- Chủ đề: Người phụ nữ

 Tình cảm gia đình

- Nội dung: Nhớ lại những kỷ niệm xúc động về bà và tình bà cháu. Lòng kính yêu và biết ơn của cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

- Nghệ thuật: Kết hợp miêu tả, biếu cảm, kể chuyện và bình luận. Hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, tạo ý nghĩa sâu sắc. Giọng thơ bồi hồi, cảm động

**5. Ánh trăng** (Trích Ánh trăng)

- Tác giả: Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa.

- Sáng tác: 1978 sau hòa bình

- Thể loại: Thơ năm chữ

- Chủ đề: Người lính

- Nội dung: Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước bình dị, hiền hậu. Gợi nhắc nhở ở người đọc thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

- Nghệ thuật: Kết cấu như 1 câu chuyện, có sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình. Giọng điệu tâm tình, hình ảnh giàu tính biểu cảm.

BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Câu 1**:

- Nhận biết tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, học thuộc lòng thơ, hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

- Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

**Câu 2: Sắp xếp các bài thơ Việt Nam theo từng giai đoạn lịch sử :**

- 1945 – 1954: Đồng chí.

- 1954 – 1964: Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa.

- 1964 – 1975: Bài thơ về tiểu đội xe không kính.

- Sau 1975: Ánh trăng.

**=> Các tác phẩm thơ kể trên đã tái hiện cuộc sống và hình ảnh con người Việt Nam suốt một thời kì lịch sử từ sau CMT8/1945 qua nhiều giai đoạn.**

- Đất nước và con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ với nhiều gian khổ hi sinh nhưng rất anh hùng.

- Công cuộc lao động xây dựng đất nước và những quan hệ tốt đẹp của con người. Nhưng điều chủ yếu là các tác phẩm thơ đã thể hiện chính là tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của con người trong một thời kì lịch sử có nhiều biến động lớn lao, nhiều thay đổi sâu sắc:

- Tình cảm yêu nước, tình quê hương.

- Tình đồng chí, sự gắn bó với cách mạng, lòng kính yêu Bác Hồ.

- Những tình cảm gần gũi và bền chặt của con người: tình bà cháu trong sự thống nhất với những tình cảm chung rộng lớn.

 **Câu 3: So sánh những bài thơ có đề tài gần nhau để thấy điểm chung và những nét riêng của mỗi tác phẩm:**

**Bài thơ Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng** đều viết về người lính cách mạng với vẻ đẹp trong tính cách và tâm hồn họ. Nhưng mỗi bài lại khai thác những nét riêng và đặt trong những hoàn cảnh khác nhau.

- **Đồng chí** viết về người lính thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Những người lính xuất thân từ nông dân nơi những làng quê nghèo khó, tình nguyện và hăng hái ra đi chiến đấu. Tình đồng chí của những người đồng đội dựa trên cơ sở cùng cảnh ngộ, cùng chia sẻ gian lao, thiếu thốn và cùng lí tưởng chiến đấu. Bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí ở những người lính Cách mạng.

- **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** khắc hoạ hình ảnh những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ làm nổi bật tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và ý chí giải phóng miền Nam của người chiến sĩ lái xe - một hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mĩ.

- **Ánh trăng** nói về suy ngẫm của người lính đã đi qua cuộc chiến tranh, nay sống giữa thành phố trong hoà bình. Bài thơ gợi lại những kỷ niệm gắn bó của người lính với đất nước, với đồng đội trong những năm tháng gian lao của chiến tranh, từ đó nhắc nhở về đạo lí nghĩa tình, thuỷ chung.

**Câu 4: So sánh bút pháp sáng tạo hình ảnh thơ ở một số bài thơ :**

- **Đồng chí và Đoàn thuyền đánh cá** là hai bài thơ sử dụng bút pháp khác nhau trong xây dựng hình ảnh. **Bài Đồng chí** sử dụng bút pháp hiện thực, đưa những chi tiết, hình ảnh thực của đời sống của người lính vào trong thơ gần như là trực tiếp (nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá, đêm rét chung chăn, áo rách vai, quần có vài mảnh vá, chân không giày…). Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” ở cuối bài rất đẹp và giàu ý nghĩa biểu tượng nhưng cũng rất thực mà tác giả đã bắt gặp trong những đêm phục kích địch ở rừng. **Bài Đoàn thuyền đánh cá** lại chủ yếu dùng bút pháp tượng trưng, phóng đại với nhiều liên tưởng, tưởng tượng, so sánh mới mẻ, độc đáo (Mặt trời xuống biển như hòn lửa, sóng cài then, đêm sập cửa, thuyền lái bằng gió, buồm là trăng…). Mỗi bút pháp đều có giá trị riêng và phù hợp với tư tưởng, cảm xúc của bài thơ và phong cách của mỗi tác giả.

**III. TRUYỆN HIỆN ĐẠI**

**Các tác phẩm truyện hiện đại:**

**1. Làng (Kim Lân tên là Nguyễn Văn Tài sinh năm 1920)**

- Năm sáng tác: 1948, kháng chiến chống Pháp

- Chủ đề: Ca ngợi lòng yêu nước

- Hình ảnh người nông dân

- Tình huống truyện: Ông Hai ở nơi tản cư nghe tin làng mình (làng chợ Dầu) theo Tây.

=> Tình huống gay cấn.

- Nội dung: Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong thời kỳ đầu kháng chiến.

- Nghệ thuật:

+ Ngôi thứ 3

+ Diễn biến nội tâm sâu sắc

+ Xây dựng tình huống truyện

- Nhân vật chính: Ông Hai: Yêu làng thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến.

**2. Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long (1925-1991), quê ở Duy Xuyên - Quảng Nam)**

- Năm sáng tác: 1970 - KC chống Mĩ

- Chủ đề: Ca ngợi hình ảnh người lao động mới

- Tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ tình cờ ngắn ngủi với anh thanh niên làm việc tại trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.

- Nội dung: Truyện khắc họa thành công hình tượng người lao động mới với lí tưởng sống cao đẹp, đáng trân trọng. Tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên với công việc của mình. Truyện nêu lên ý nghĩa và niềm vui của lao động chân chính.

- Nghệ thuật:

+ Ngôi kể thứ 3

+ Truyện giàu chất thơ

+ Tính hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, kết hợp tự sự với trữ tình, bình luận

- Nhân vật chính: Anh thanh niên.

**3. Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932 quê ở huyện Chợ Mới, tính An Giang)**

- Sáng tác: 1966 - KC chống Mĩ

- Chủ đề: Ca ngợi tình cảm gia đình, tình cha con

- Tình huống truyện: Bé Thu mong cha nhưng cha về lại không nhận ra. Khi Thu nhận ra cha cũng là lúc cha phải ra đi. Người cha dồn hết tình yêu thương vào cây lược làm cho con, nhưng chưa kịp trao thì ông đã hy sinh => Tình huống eo le của chiến tranh.

- Nội dung: Truyện đã diễn tả cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng và cao đẹp trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Nghệ thuật:

+ Ngôi kể thứ nhất

+ Sáng tạo tình huống bất ngờ mà tự nhiêm, hợp lí.

+ Thành công trong miêu tả tâm lí nhân vật xây dựng tính cách

- Nhân vật chính: Ông sáu: Thương con - yêu nước.

BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Câu 1**: Nhận biết tác giả và tác phẩm, nắm đặc điểm nhân vật, sự việc, cốt truyện, diễn biến tâm trạng nhân vật, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của các tác phẩm.

**\* MỘT SỐ BÀI TẬP VẬN DỤNG PHẦN VĂN VÀ LUYỆN ĐỀ**

**Câu 1:**Cảm nhận về hình ảnh người lính trong 2 bài thơ “Đồng chí và Tiểu đội xe không kính”.

**Câu 2:**Cảm nhận về vẻ đẹp trong cách sống, trong tâm hồn và những suy nghĩ, việc làm của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

**Câu 3**: Cảm nhận của em về nhân vật bé Thu và tình cha con trong chiến tranh ở truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

**Câu 4**: Phân tích những hình ảnh biểu tượng : “đầu súng trăng treo” (trong bài thơ Đồng chí), “trăng” (trong bài Ánh trăng).

**ĐỀ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Có gì đâu, có gì đâu*

*Mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều*

*Rễ siêng không ngại đất nghèo*

*Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*

*Vươn mình trong gió tre đu*

*Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành*

*Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh*

*Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm*

*Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*

(Trích [Tre Việt Nam](https://vndoc.com/bai-van-mau-lop-9-thuyet-minh-ve-cay-tre-viet-nam/download) - Nguyễn Duy, tập Cát trắng, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1973)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên.

**Câu 2.** Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ trên.

**Câu 3.** Nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai câu thơ:

*"Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm"*

**Câu 4.** Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộc ViệtNam?

**LÀM VĂN (7,0 điểm)**

 **Câu 1 (2,0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 2000 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của tinh thần lạc quan trong cuộc sống

**Câu 2** *(5,0 điểm)*

 Cảm nhận của em về ba khổ thơ cuối bài thơ ***Ánh trăng*** của ***Nguyễn Duy***

**GỢI Ý ĐỀ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên: Biểu cảm

**Câu 2.** Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ trên: mỡ màu, cần cù, kham khổ, nắng nỏ, bãobùng

**Câu 3.** Biện pháp tu từ nhân hóa.

Tác dụng: nhấn mạnh và gợi cảm xúc thêm cho câu thơ, và nó diễn tả cho người đọc hình ảnh cây tre mang những phẩm chất tốt đẹp của con người đã đem lại những bài học "thân bọc lấy thân", "tay ôm tay níu"

 **Câu 4.** Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộcViệt Nam: Sự cố gắng bền bỉ vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn thử thách, sự đoàn kết đùm bọc che chở.

1. **LÀM VĂN (7,0 điểm)**

 **Câu 1 (2,0 điểm)**

I. Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống

II. Bàn luận về tinh thần lạc quan

1. Lạc quan là gì?

- Lạc quan là thái độ sống

- Lạc quan là luôn vui tươi, vui cười dù có bất kì chuyện gì xảy ra - Lạc quan như là một liều thuốc bổ cho cuộc sống tươi đẹp hơn.

2. Ý nghĩa của tinh thần lạc quan

- Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người - Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn

- Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống

- Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc 4. Biểu hiện của tinh thần lạc quan

- Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra - Luôn yêu đời

- Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra 3. Một số tấm gương về tinh thần lạc quan

- Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngắm trăng

- Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình Kết thúc vấn đề: Nêu cảm nghĩ của em về tinh thần lạc quan:

- Đây là một tinh thần rất tốt, giúp con người vượt qua số phận

- Bên cạnh đó nó còn có những tác động xấu khi con người có tinh thần lạc quan thái quá.

**Câu 2 (5,0 điểm) Dàn ý tham khảo**

**a. Mở bài**:

- Giới thiệu những nét cơ bản về nhà thơ Nguyễn Duy và tác phẩm "Ánh trăng"

- Nguyễn Duy viết Ánh trăng như một lời tâm sự, một lời nhắn nhủ chân tình với chính mình, với mọi người về lẽ sống chung thủy, tình nghĩa đặc biệt là ba khổ thơ cuối bài.

**b. Thân bài**:

- Khổ 1 miêu tả sự kiện, nêu lên hoàn cảnh xuất hiện bất ngờ của vầng trăng tròn – hình ảnh quen thuộc của thiên nhiên trong thời quá khứ khi nhân vật trữ tình còn trong tuổi niên thiếu, khi trưởng thành và gia nhập bộ đội. Và đó là vầng trăng tri kỷ và tình nghĩa.

+ Do hoàn cảnh cuộc sống, từ hồi về thành phố quen ánh điện cửa gương, vầng trăng đã rơi vào quên lãng.

+ Trong hoàn cảnh đặc biệt, bất ngờ: đèn điện tắt, phòng buyn- đinh tối om, nhân vật trữ tình đã bất ngờ nhìn thấy “đột ngột vầng trăng tròn”. Lời thơ giản dị, cách ngắt nhịp quen thuộc nhưng gợi được xúc cảm bất ngờ trong lòng nhân vật trữ tình khi nhìn thấy vầng trăng.

- Khổ 2 vầng trăng trở thành một biểu tượng gợi lại quá khứ tình nghĩa giữa con người và trăng, con người và thiên nhiên trong tư thế mặt người nhìn mặt trăng.

+ Trong phút giây mặt đối mặt, lòng nhân vật trữ tình tràn ngập hình ảnh của quá khứ tình nghĩa thuở sống ở ruộng đồng, sông ngòi và rừng bể…

+ Lời thơ vẫn giản dị nhưng có sức biểu cảm lớn gợi những nỗi niềm rưng rưng xúc động về quá khứ. Từ “như”, từ “là” của phép điệp ngữ kết hợp với những từ ngữ thể hiện không gian sống quen thuộc của thời quá khứ (đồng, bể, sông, rừng) làm cho giọng thơ có sắc thái dồn dập, mạnh mẽ như xúc cảm đầy ắp đang trào dâng trong lòng nhân vật trữ tình.

- Khổ 3 quá khứ hồn nhiên, tình nghĩa đã thức tỉnh tâm hồn thi nhân đưa nhân vật trữ tình trở về đối diện với chính mình và nhận ra mình là “người vô tình” đã có một thời vì cuộc sống, vì hoàn cảnh ấm êm mà trở thành kẻ quay lưng với quá khứ.

+ Đối diện với vầng trăng bao dung, một vầng trăng “tròn vành vạnh, im phăng phắc”, không lời buộc tội nhưng đủ để cho nhân vật trữ tình “giật mình” thấm thía với lỗi lầm, đã hờ hững và bội bạc với những kỷ niệm thân thương của mình.

+ Lời thơ vừa gợi hình vừa biểu cảm gợi tả vẻ đẹp của vầng trăng, vẻ đẹp của quá khứ thân thương. Lời thơ giản dị nhưng trữ tình và giàu ý nghĩa triết lí. Nó gợi cho con người đạo lý thủy chung, uống nước nhớ nguồn.

- Đánh giá về nghệ thuật: Ba khổ thơ có sự kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình. Giọng điệu thơ tâm tình của thể thơ năm chữ được thể hiện với một nhịp thơ đặc biệt: khi thì trôi chảy tự nhiên nhịp nhàng theo lời kể, khi ngân nga thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng suy tư. Giọng điệu chân thành, truyền cảm, gây ấn tượng mạnh cho người đọc.

**c. Kết bài.**

- Ba khổ thơ chỉ là một phần của bài thơ nhưng là một phần có ý nghĩa, với hình ảnh vầng trăng ngời tỏ trên bầu trời nhưng lại gợi được cả một thời quá khứ đầy cảm động, làm cho tâm hồn thi nhân bừng tỉnh, trở về với chính mình trong suy tư sâu lắng, trong ân hận thiết tha, nhắc nhở đến đạo lý sống thủy chung, tình nghĩa vốn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Bài thơ khép lại nhưng dư âm của cảm xúc và suy nghĩ vẫn còn vương vấn lòng người đọc hôm nay và mai sau.

- Suy nghĩ bản thân

ĐỀ 2

**I. ĐỌC - HIỂU**

**Đọc đoạn trích sau đây và thực hiện yêu cầu bên dưới.**

“Facebook có thực sự đưa mọi người đến gấn nhau hơn? Phần lớn sẽ nghĩ là có. Nhờ facebook, ta luôn biết được thông tin của người thân cách xa cả nửa vòng trái đất. Đi đâu, vẫn có cảm giác như ở bên cạnh. Nhưng cũng nhờ cảm giác “luôn ở cạnh” như vậy mà ít người còn có nhu cầu phải gặp nhau nữa. Xin nhắc lại rằng, facebook chỉ giúp “khoe” các kỷ niệm, chứ không thể tự tạo ra kỷ niệm. Thế giới ảo vẫn là thế giới ảo. Bạn có thể khoe cảnh uống bia, nhưng không thể uống bia trên facebook. Sống quá lâu trên thế giới ảo cũng đồng nghĩa với việc sống trong thế giới thực ít đi. Càng ít gặp bạn bè, cũng đồng nghĩa với việc có càng ít các kỷ niệm. Có những người mà nhà chỉ cách vài trăm mét, nhưng cả năm không gặp được một lần. Sau nỗi vui mừng vì tìm thấy nhau trên facebook, người ta cũng không còn nhu cầu phải gặp trực tiếp nữa. Nếu cứ thế này, có thể phải đến khi sắp không thể gặp được nữa, người ta mới đến nhìn mặt nhau lần cuối. Facebook đang giúp những người ở xa có cảm giác như được ở gần nhau, nhưng cũng có thể làm những người gần nhau như cách xa hàng ngàn km.

(Theo **Trần Công Hưng** – Thể thao và Văn hóa)

**Câu 1.** Xác định PTBĐ chính.

**Câu 2.** Đoạn văn trên đã sử dụng phép lập luận gì?

**Câu 3.** Hãy xác định luận điểm trong đoạn trích trên.

**Câu 4.** Nêu nội dung của đoạn văn trên.

**II. Tập làm văn**

**Câu 1.** Từ ngữ liệu phần đọc – hiểu, viết đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về thực trạng sử dụng Facebook của các bạn học sinh hiện nay.

**Câu 2**.

Phân tích đoạn thơ sau đây, trích trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật:

Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi,

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái.

(Theo Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2018, Trang 13)

**II, GỢI Ý LÀM BÀI**

**Câu 1.** PTBĐ chính: **Nghị luận**

**Câu 2.** Đoạn văn trên đã sử dụng phép lập luận: **Phân tích và tổng hợp**

**Câu 3.** Luận điểm: Facebook có thể đưa mọi người đến gấn nhau hơn nhưng cũng có thể làm cho họ xa nhau hơn.

**Câu 4.** Nội dung của đoạn văn: Tính hai mặt (lợi và hại) của mạng xã hội Facebook.

**II. TẬP LÀM VĂN**

**Câu 1.**

- Giới thiệu về thực trạng sử dụng Facebook của các bạn học sinh hiện nay.

- Giải thích: Facebook là một mạng xã hội được truy cập miễn phí, là nơi mà con người có thể giao lưu, kết bạn và học hỏi.

- Lợi ích của việc sử dụng Facebook.

- Tác hại của Facebook

- Bài tập nhận thức và hành động.

**Câu 2**.

A, **Mở bài**

* Giới thiệu tác giả Phạm Tiến Duật và “[Bài thơ về tiểu đội xe không kính](https://vndoc.com/phan-tich-bai-tho-bai-tho-ve-tieu-doi-xe-khong-kinh-cua-pham-tien-duat/download)”...
* Bài thơ đã ghi lại nét ngang tàng, táo bạo, dũng cảm và lạc quan của người lính lái xe trong binh đoàn vận tải quân sự, qua đó ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời kì đánh Mĩ.

 - Trích dẫn 2 đoạn thơ

**B Thân bài:**

1.Khổ thơ thứ nhất diễn tả sự khó khăn, gian khổ thiếu thốn trong chiến tranh và sự ung dung của người lính:

+ Bài thơ làm hiện lên một chiếc xe không kính đang vượt qua bom đạn băng băng tiến ra tiền phương. Hàng vạn chiếc xe “Không kính” vượt qua mưa bom bão đạn, dốc thẳm, khe suối.

+ Điệp khúc “không có kính” được trở đi trở lại với một giọng điệu tinh nghịch, khỏe khoắn, tiếng reo vui, tiếng cười đùa, tiếng hò hát trên con đường trông gai đầy mưa bom bão đạn. Hai câu thơ đầu không nói rõ vì sao “không có kính”. Cấu trúc bài thơ dưới hình thức hỏi đáp. Ba chữ “không” đi liền nhau, hai nút nhấn “bom giật, bom rung” biểu lộ chất lính, đậm chất văn xuôi nghe rất thú vị

+ Tư thế ung dung, hiên ngang đường hoàng, tinh thần dũng cảm, coi thường hiểm nguy. Một tư thế lái xe “ung dung” tuyệt đẹp: thong thả, khoan thai, những cái nhìn dũng mãnh mà hiên ngang: Ung dung buồng lái ta ngồi…

2.Khổ thơ thứ hai: Đó là thước phim quay chầm chậm về những gì người lính “nhìn thấy trong sự nguy hiểm, khó khăn, ác liệt ấy.

+ Có gió thổi, có cánh chim chiều và cả ánh sao đêm.Gió được nhân hóa và chuyển đổi cảm giác đầy ấn tượng “gió vào xoa mắt đắng”. Xe chạy thâu đêm, xe lại không có kinh nên mới có cảm giác “đắng” như thế.

Con đường phía trước là con đường chiến lược cụ thể, nó còn mang hàm ý “chạy thẳng vào tim”, con đường chiến đấu chính nghĩa vì lẽ sống, vì tình thương, vì độc lập tự do của đất nước và dân tộc.

* “Nhìn thấy” với các chữ “sa”, chữ “ma” góp phần đặc tả tốc độ phi thường của chiếc xe quân sự đang bay đi, đang lướt nhanh trong bom đạn.

3. Đánh giá chung:

- Với cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ, Phạm Tiến Duật rất thành công trong việc khắc họa vẻ đẹp ý chí và tâm hồn của người chiến sĩ lái xe tiền phương.

- Con đường chiến lược Trường Sơn là một chiến tích mang màu sắc huyền thoại của dân tộc ta trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã làm sống lại một thời gian khổ, oanh liệt của anh bộ đội Cụ Hồ. Chất anh hùng ca dào dạt trong bài thơ. Bài thơ cũng là một chứng tích tuyệt đẹp của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn anh hùng.

ĐỀ 3

**Phần I : Câu 1** Đọc đoạn trích:

*Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người xảy ra cuộc tranh luận và một người nổi nóng, không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”.*

 *Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo và quyết định bơi đến. Người bị miệt thị lúc nãy bây giờ bị đuối sức và chìm dần. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi đã lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay, người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”.*

 *Người kia hỏi: “Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát còn bây giờ anh lại khắc lên đá ?”*

 *Anh ta trả lời: “Những điều viết lên cát sẽ nhanh chóng xoá nhoà theo thời gian, nhưng không ai có thể xoá được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người”.*

 *Vậy, mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.*

 (Lỗi lầm và sự biết ơn, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt )

1.Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

2.Trong đoạn trích trên, yếu tố nghị luận thể hiện ở câu văn nào?

3.Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của việc “viết lên cát” và “khắc lên đá” trong đoạn trích?

**Phần II Tập làm văn**

**Câu 1** Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về lòng bao dung, vị tha trong cuộc sống.

**Câu 2**

 Cảm nhận về vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá qua khổ thơ đầu và khổ thơ cuối trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận:

*“Mặt trời ……khơi.*

*...*

*Câu hát ……..phơi.”*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.139,140)

**Câu 1**

1.Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: tự sự

2.Trong đoạn trích trên, yếu tố nghị luận thể hiện ở câu văn:

Câu 1: “Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người”

Câu 2: “Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.(

3."viết lên cát": Cát, vốn là một thứ nhỏ bé, mong manh, và dễ dàng xóa nhòa cũng nghĩa là nó thể hiện một thái độ bao dung, không chấp nhặt, và một tâm hồn cao thượng. Viết thù hận và nỗi buồn lên cát, để cát sẽ dễ dàng xóa nhòa, để sự hận thù sẽ không còn mãi, để khi quay trở lại, ta sẽ cùng nhau sửa chữa những sai lầm.

“khắc lên đá” đó là cách tôn trọng và luôn lưu giữ, trước sau như một và một thái độ sống luôn xem trọng người khác một cách đáng quý. Đá là một thứ cứng, khó bị phá vỡ do thời tiết, khó bị bay, thổi mất như cát, nên việc khắc ghi lên đá, cũng là cách ta luôn giữ sự tử tế của người khác trong trái tim mình. Điều đó, không chỉ khiến trái tim ta ấm áp, và tốt đẹp hơn, còn khiến mối quan hệ giữa người với người đều tốt đẹp lên.

**Câu 2**

I. Mở bài: giới thiệu lòng bao dung, vị tha trong cuộc sống

- Là một trong những đạo lí tốt đẹp của dân tộc chúng ta đó là lòng khoang dung.

Bàn luận vấn đề:

- Giải thích thế nào là lòng bao dung, vị tha trong cuộ sống: Bao dung và vị tha là rộng lòng tha thứ cho người phạm lỗi lầm

Không chỉ thế bao dung còn cảm thông với khuyết điểm và nhược điểm của người khác

2. Những biểu hiện của lòng bao dung, vị tha trong cuộ sống:

- Bao dung là tha thứ cho người khác. Biết nhường nhịn và chia sẻ, thậm chí có thể hi sinh. Bỏ qua những lỗi lầm của người khác gây ra cho mình hay cho xã hội

- Bao dung khác với ích kỉ, căm gét,….

- Ý nghĩa của lòng bao dung, vị tha trong cuộ sống: - Bao dung là một cách cư xử cao quý

- Là một phẩm chất đạo lí tốt đẹp

- Là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt

- Phê phán những người không có lòng bao dung: Những thái độ ganh gét, đố kị là không tốt

- Bao dung không có nghĩa là bao che, che giấu tội ác

- Hãy sống và thực hiện bao dung theo chuẩn mực xã hội.

- Nêu cảm nghĩ của em vê lòng bao dung, vị tha trong cuộ sống - Đây là một đạo lí tốt đẹp của dân tộc. Hãy bao dung chứ không bao che.

**Phần II**

1. Mở Bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Giới thiệu đoạn trích: Đây là hai khổ thơ đầu miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi đầy hào hứng và khổ thơ cuối khi đoàn thuyền trở về.

2. Thân bài

1.1 Cảnh ra khơi và tâm trạng náo nức của con người.

a. Cảnh hoàng hôn trên biển.

– Cảnh mặt trời lặn được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng: *Mặt trời xuống biển như hòn lửa/ Sóng đã cài then đêm sập cửa*

– Nghệ thuật so sánh nhân hóa cho thấy cảnh biển hoàng hôn vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lử khổng lồ đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa. Chi tiết Mặt trời xuống biển có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở bờ biển nước ta, trừ vùng Tây Nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Thực ra hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển hoặc từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây, qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như là mặt trời xuống biển. Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm.

b. Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

*Câu hát căng buồm với gió khơi”*

– Đoàn thuyền chứ không phải chỉ con thuyền ra khơi đã tạo ra sự tấp nập trên biển. Chữ “Lại” vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người.

– Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe, lạ mà thật từ sự gắn kết 3 sự vật và hiện tượng: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. Người đánh cá căng buồm và cất câu hát lên nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.

– Nghệ thuật ẩn dụ trong hình ảnh thơ lãng mạn này đã góp phần thể hiện một hiện thực: Đó là niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

\*Khổ thơ cuối: Cảnh đoàn thuyền trở về

- Câu đầu tác giả lặp lại ở khổ thơ 1: “Câu hát căng buồm với gió khơi”

+ Có từ “với” là khác, có lẽ tác giả tránh sự lặp lại ở câu thơ trước => làm cho khổ thơ cuối giống như điệp khúc của một bài hát, tạo cảm giác tuần hoàn về thời gian, về công việc lao động; nhấn mạnh khí thế tâm trạng của những người dân. Đoàn thuyền ra đi, hào hứng sôi nổi, nay trở về cũng với tinh thần ấy rất khẩn trương. Câu hát đưa thuyền đi nay câu hát lại đưa thuyền về.

-Bằng biện pháp khoa trương và hình ảnh nhân hóc Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời: cho thấy con người và vũ trụ chạy đua trong cuốc vận hành vô tận, con người đã mang tầm vóc lớn lao của thiên nhiên vũ trụ trong cuộc chạy đua này và con người đã chiến thắng.Có thể nói Huy Cận đã lấy tình yêu của mình đối với cuộc sống mới của nhân dân khám phá ra vẻ đẹp hùng vĩ. Thay vào không gian vũ trụ buồn hiu hắt của thơ ông trước cách mạng tháng Tám.

- Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn, kết thúc bài thơ là cảnh bình minh” Mặt trời đội biển nhô màu mới”. Ánh mặt trời sáng rực, từ từ nhô lên ở phía chân trời xa cảm giác như mặt trời đội biển. Câu thơ với ẩn dụ táo bạo cho thấy sự tuần hoàn của thời gian, của vũ trụ.

- Hình ảnh “mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi” gợi nhiều liên tưởng như những mặt trời nhỏ bé đang tỏa rạng niềm vui trước thành quả lao động mà con người đã giành được sau một đêm lao động trên biển. => đó là cảnh tượng đẹp huy hoàng giữa bầu tròi và mặt biển, giữa thiên nhiên và thành quả lao động.

\*Kết luận chung

 Bài thơ tạo được âm hưởng vừa khỏe khoắn sôi nổi lại vừa phơi phới, bay bổng. Góp phần tạo nên âm hưởng ấy là các yếu tố lời thơ, nhịp điệu, vần. Cách gieo vần trong bài thơ biến hóa, linh hoạt, các vần trắc xen lẫn vần bằng, vần liền xen với vần cách. Các vần trắc tạo sức dội, sức mạnh, các vần bằng tạo sự vang xa, bay bổng, tạo nên những vần thơ khoáng đạt, kì vĩ, phơi phới niềm vui

.

**ĐỀ SỐ 4**

**Câu 1**. (*1.5**điểm)*

Đọc các ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*a. Gia đình có tới bảy, tám* ***miệng*** *ăn.*

*b,* ***Miệng*** *cười như thể hoa ngâu*

*Cái khăn đội đầu như thể hoa sen*

*(Ca dao)*

Các từ in đậm trong các ngữ liệu trên từ nào được dùng theo nghĩa gốc, từ nào được

dùng theo nghĩa chuyển? Chỉ ra phương thức chuyển nghĩa.

**Câu 2.** *(1.5**điểm).*Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Từ hồi về thành phố*

*quen ánh điện, cửa gương*

*vầng trăng đi qua ngõ*

*như người dưng qua đường*

a. Khổ thơ trên được trích trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác?

b. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong hai câu thơ:

*vầng trăng đi qua ngõ*

*như người dưng qua đường.*

**Câu 3.** *(2.0**điểm)*Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò, ýnghĩa của lời xin lỗi.

**Câu 4.** Cảm nhận của em về tình bà cháu qua bài thơ Bếp lửa của Bàng Việt

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Câu 1**.

a. *Gia* *đình có tới bảy, tám* ***miệng*** *ăn.*

Từ *"****miệng"*** ở câu này được dùng theo nghĩa chuyển, phương thức chuyển nghĩa hoán dụ.

b.

***Miệng*** *cười như thể**hoa**ngâu*

*Cái khăn đội đầu như thể hoa sen*

Từ *"****miệng"*** ở câu ca dao này được dùng theo nghĩa gốc.

**Câu 2.**

a. Khổ thơ trên được trích trong tác phẩm ***Ánh trăng*** do Nguyễn Duy sáng tác. b. Một biện pháp tu từ trong hai câu thơ đã cho là: chọn 1 trong 2 + nhân hóa

*"vầng trăng"* - "*đi qua ngõ*" => trăng như một người bạn cũ vừa đi qua

so sánh: ở câu trên trăng dường như là người bạn cũ nhưng tới hiện tại vầng trăng lúc này đã trở thành một người dưng không quen biết, như chưa có ngày gặp gỡ.

**Câu 3.**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Bàn về lời xin lỗi, suy nghĩ về vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống

Người xưa từng nói: “Nhân bất thập toàn”, nghĩa là không ai sinh ra đã trở nên hoàn hảo. Sai lầm là một biểu hiện thường thấy trong cuộc sống con người. Có những sai lầm mới có những thành công. Từ con người bình thường đến các vĩ nhân đều có những sai lầm nhất định trong cuộc đời và sự nghiệp của mình. Lời xin lỗi luôn là một hành động cần thiết trong cuộc sống. Mỗi khi sai lầm xảy ra để hạn chế những hậu quả đáng tiếc và làm cho tâm hồn được bình yên hơn thì lời xin lỗi thực sự cần thiết.

**1. Giải thích**

- "Xin lỗi": là hành động tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình, là sự đồng cảm, sẻ chia đối với người bị ta làm tổn thương, thiệt hại. Biết xin lỗi là mong muốn được đền bù thiệt hại và tha thứ.

- Xin lỗi không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người.

**2. Bàn luận:**

**Biểu hiện của người biết nói lời xin lỗi:**

- Luôn chủ động mở lời xin lỗi, tự nhận khuyết điểm về mình khi gây ra một lỗi lầm, hoặc một hành động sai trái gây ra hậu quả nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến người khác

- Tích cực tìm cách khắc phục hậu quả đã gây ra. Biết nhận thấy sai lầm của mình và mong muốn được khắc phục. Người biết nói lời xin lỗi luôn sống hiền hòa, chuẩn mực, quan tâm, kính nhường và tôn trọng người khác.

**Tại sao sống phải biết nói lời xin lỗi?**

Xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa của con người, là hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội.Lời xin lỗi chân thành phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn.Xin lỗi là một phép lịch sự trong giao tiếp, thể hiện sự văn minh và thái độ tôn trọng con người

-Lời xin lỗi chân thành có thể cứu vãn được sự việc đáng tiếc có thể đã xảy ra

-Xin lỗi đúng cách, đúng lúc giúp ta tránh được những tổn thất về vật chất và tinh thần.Lời xin lỗi còn để thể hiện sự chia sẻ, đồng cảm với mọi người

Lời xin lỗi chân thành hàn gắn những chia rẽ và hận thù do những lỗi lầm ấy gây nên.Xin lỗi còn để dạy cho con cái biết học cách lớn lên là người có ý thức trách nhiệm.Biết nói lời xin lỗi giúp cho cuộc sống của chúng ta được an lành, hạnh phúc hơn.

**Bài học nhận thức và hành động**

-Biết sống chân thành, tôn trọng, quý trọng người khác, thành thật nhận khuyết điểm về mình, không được né tránh trách nhiệm hay ngụy biện về hành động của mình

-Lời xin lỗi phải xuất phát từ đáy lòng mới thật sự hữu dụng

-Hiểu rõ đối tượng là ai để bày tỏ thái độ xin lỗi một cách đúng đắn và hiệu quả nhất.

-Xin lỗi đúng lúc, đúng nơi sẽ làm cho người được xin lỗi thấy dễ tha thứ hơn, đặc biệt cần biết sửa sai sau khi xin lỗi.

**III. Kết bài:**

-Khẳng định vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong các mối quan hệ cuộc sống

-Nêu quan điểm của mình về vấn đề này.